

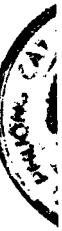


BẢN SAO

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN BẮC**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014



MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0104546308 ngày 22 tháng 03 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 13 tháng 06 năm 2014.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam là 23.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 46%.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 043.5121931
- Fax: (84) 043.5121930
- Website: www.stbmienbac.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in ấn;
- Sao chép băng ghi các loại (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, văn phòng phẩm;
- Bán thiết bị trường học, thiết bị giảng dạy các cấp;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị trường học, thiết bị phục vụ giảng dạy các cấp;
- Xây dựng nhà các loại (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ;
- Sản xuất đồ đạc cho nhà thờ, trường học, nhà hàng.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 76 người. Trong đó nhân viên quản lý là 15 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

• Ông Huỳnh Bá Vân	Chủ tịch	Trúng cử ngày 11/04/2012
• Ông Đinh Khắc Cao	Phó Chủ tịch	Trúng cử ngày 10/04/2010
• Bà Nguyễn Thị Mơ	Ủy viên	Trúng cử ngày 10/04/2010
• Ông Ngô Chí Quốc	Ủy viên	Trúng cử ngày 10/04/2010
• Bà Hoàng Thị Thanh Tâm	Ủy viên	Trúng cử ngày 10/04/2010

Ban Kiểm soát

• Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 22/04/2013
• Bà Trần Thu Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/04/2010
• Ông Trần Văn Hiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2013

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Đinh Khắc Cao	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/04/2010
• Bà Nguyễn Thị Mơ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/04/2010
• Ông Nguyễn Tiến Bộ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/10/2012 Miễn nhiệm ngày 01/08/2014
• Bà Hoàng Thị Thanh Tâm	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 10/04/2010

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

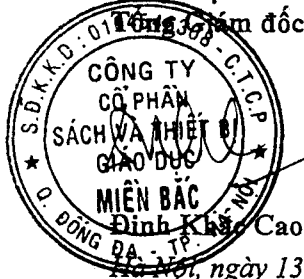
- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công

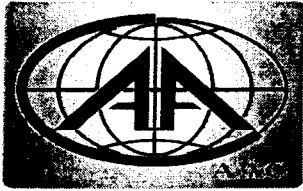
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

ty tại thời điểm 31/12/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 20/2014/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 08/01/2015, từ trang 5 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu kiểm toán viên tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và Thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC
Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2013-010-1
Đà Nẵng, ngày 13 tháng 01 năm 2015

Phạm Nguyễn Hương Ly
Phạm Nguyễn Hương Ly – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1926-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2014

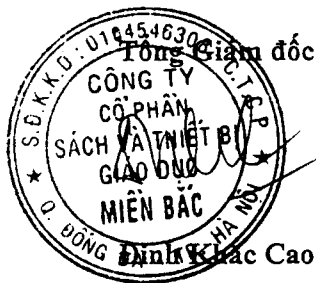
Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		64.994.522.878	66.134.170.060
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	10.241.378.096	18.600.857.390
1. Tiền	111		10.241.378.096	8.365.857.390
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.235.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	446.890.000	575.420.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		738.520.000	848.780.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(291.630.000)	(273.360.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.188.979.533	17.167.492.021
1. Phải thu khách hàng	131		24.419.271.279	16.880.746.348
2. Trả trước cho người bán	132		615.212.154	624.606.221
3. Các khoản phải thu khác	135	7	154.496.100	527.548.685
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	(865.409.233)
IV. Hàng tồn kho	140	8	26.717.483.364	25.291.263.547
1. Hàng tồn kho	141		29.401.055.703	26.549.818.502
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.683.572.339)	(1.258.554.955)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.399.791.885	4.499.137.102
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	2.091.299.737	3.104.202.823
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		227.492.148	160.857.551
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	1.109.076.728
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	81.000.000	125.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.087.129.050	3.832.806.673
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		76.366.669	16.546.110
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	76.366.669	16.546.110
- Nguyên giá	222		2.763.594.277	2.668.794.277
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.687.227.608)	(2.652.248.167)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	7.010.762.381	3.816.260.563
1. Đầu tư dài hạn khác	258		7.010.762.381	3.816.260.563
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		72.081.651.928	69.966.976.733

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		14.426.509.823	18.238.574.136
I. Nợ ngắn hạn	310		14.426.509.823	18.238.574.136
1. Phải trả người bán	312		10.346.718.580	8.526.998.519
2. Người mua trả tiền trước	313		3.018.674.166	2.279.245.056
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	98.689.393	-
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	392.115.668	6.383.231.855
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		570.312.016	1.049.098.706
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		57.655.142.105	51.728.402.597
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	57.655.142.105	51.728.402.597
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	15	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	15	534.170.971	534.170.971
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	15	534.170.971	534.170.971
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	15	6.586.800.163	660.060.655
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		72.081.651.928	69.966.976.733



Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2015

Kế toán trưởng

Attang

Hoàng Thị Thanh Tâm

Người lập biểu

Amu

Lê Mai Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	16	300.031.899.739	298.430.486.267
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	16	300.031.899.739	298.430.486.267
4. Giá vốn hàng bán	11	17	266.793.587.030	269.611.471.636
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>33.238.312.709</u>	<u>28.819.014.631</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	1.002.197.446	2.249.584.528
7. Chi phí tài chính	22	19	443.411.847	(1.446.064)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		15.942.836.116	12.990.783.982
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.723.866.071	10.040.888.185
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>9.130.396.121</u>	<u>8.038.373.056</u>
11. Thu nhập khác	31	20	10.636.364	736.031
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		<u>10.636.364</u>	<u>736.031</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	21	<u>9.141.032.485</u>	<u>8.039.109.087</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	2.102.114.952	203.743.610
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	21	<u>7.038.917.533</u>	<u>7.835.365.477</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	1.397	1.567



Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2015

Kế toán trưởng

Attame

Hoàng Thị Thanh Tâm

Người lập biểu

Phan

Lê Mai Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	293.668.909.014	297.372.783.511
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(281.597.391.399)	(280.889.637.902)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(8.683.028.433)	(8.564.499.562)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.064.978.950)	(1.302.503.735)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.320.975.536	1.784.067.380
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(3.162.786.144)	(3.042.924.525)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	481.699.624	5.357.285.167
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(94.800.000)	-
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.741.061.818)	(325.000.563)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	732.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	262.682.900	338.858.759
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.841.178.918)	13.858.196
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.000.000.000)	(3.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.000.000.000)	(3.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(8.359.479.294)	2.371.143.363
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	18.600.857.390	16.229.714.027
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi n.tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	10.241.378.096	18.600.857.390



Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2015

Kế toán trưởng

Attame

Hoàng Thị Thanh Tâm

Người lập biểu

Amu

Lê Mai Anh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0104546308 ngày 22 tháng 03 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 13 tháng 06 năm 2014.

Ngành nghề kinh doanh chính

- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in ấn;
- Sao chép băng ghi các loại (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, văn phòng phẩm;
- Bán thiết bị trường học, thiết bị giảng dạy các cấp;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị trường học, thiết bị phục vụ giảng dạy các cấp;
- Xây dựng nhà các loại (chi hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ;
- Sản xuất đồ đạc cho nhà thờ, trường học, nhà hàng.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh đối với toàn bộ các tài sản cố định.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phương tiện vận tải	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5
Tài sản cố định khác	1,5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.6 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.8 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

4.9 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.11 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - ✓ Sách giáo khoa và sách bổ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - ✓ Các mặt hàng khác áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.12 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.13 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	204.908.167	293.477.803
Tiền gửi ngân hàng	10.036.469.929	8.072.379.587
Các khoản tương đương tiền	-	10.235.000.000
Cộng	10.241.378.096	18.600.857.390

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Cổ phiếu	67.300	738.520.000	77.300	848.780.000
+ Cty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (EFI)	60.900	675.300.000	60.900	675.300.000
+ Cty CP ĐT và PT Giáo dục Hà Nội (EID)	6.400	63.220.000	16.400	173.480.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		291.630.000		273.360.000
+ Cty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (EFI) (*)		291.630.000		273.360.000
Cộng		446.890.000		575.420.000

(*) Là khoản trích lập dự phòng giảm giá đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục căn cứ vào số lượng cổ phiếu Công ty hiện đang nắm giữ và chênh lệch giữa giá bình quân ngày 31/12/2014 tại HNX với giá ghi sổ kế toán.

7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lãi dự thu	-	27.548.685
Phải thu cổ tức	7.680.000	-
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam		500.000.000
Phải thu khác	146.816.100	-
Cộng	154.496.100	527.548.685

8. Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Hàng mua đang đi đường	1.229.160.030	-
Nguyên liệu, vật liệu	4.909.927.096	5.386.743.389
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	901.261.812	270.705.332
Thành phẩm	7.579.543.158	6.223.159.873
Hàng hóa	14.781.163.607	14.669.209.908
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.683.572.339)	(1.258.554.955)
Cộng	26.717.483.364	25.291.263.547

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế GTGT không được khấu trừ chờ kết chuyển	672.444.297	467.833.031
Chi phí tổ chức bán thảo	651.963.373	1.867.985.792
Chi phí thuê cửa hàng	-	768.384.000
Chi phí sửa chữa cửa hàng	766.892.067	-
Cộng	2.091.299.737	3.104.202.823

10. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tạm ứng	81.000.000	125.000.000
Cộng	81.000.000	125.000.000

11. Tài sản cố định hữu hình

	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.225.669.732	205.670.000	237.454.545	2.668.794.277
Mua sắm trong năm	94.800.000	-	-	94.800.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	2.320.469.732	205.670.000	237.454.545	2.763.594.277
Khấu hao				
Số đầu năm	2.209.123.622	205.670.000	237.454.545	2.652.248.167
Khấu hao trong năm	34.979.441	-	-	34.979.441
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	2.244.103.063	205.670.000	237.454.545	2.687.227.608
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	16.546.110	-	-	16.546.110
Số cuối năm	76.366.669	-	-	76.366.669

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014: 2.668.794.277 đồng.

Không có TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác		7.010.762.381		3.816.260.563
- Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	75.000	750.000.000	75.000	750.000.000
- Công ty CP Sách TBTH Sơn La	16.000	179.200.000	64.800	725.760.000
- Dự án xây dựng kho Đông Anh (a)		4.281.562.381		2.240.500.563
- Dự án Trung tâm phát hành sách giáo khoa (b)		100.000.000		100.000.000
- Quỹ đầu tư xuất bản (c)		1.700.000.000		-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-		-
Cộng		7.010.762.381		3.816.260.563

(a) Góp vốn với Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội và một số công ty khác thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam để thực hiện dự án mở rộng mặt bằng sản xuất theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010. Ngày 01/07/2014, các bên thống nhất ký Phụ lục hợp đồng 01/2014/PLHĐGV, theo đó Công ty nhận chuyển nhượng lại 1 phần vốn góp của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam vào dự án, nâng tỷ lệ đầu tư lên 37,5%.

(b) Góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam để thực hiện dự án xây dựng Trung tâm xuất bản phát hành sách giáo khoa theo Hợp đồng góp vốn số 1F/2010/HĐGV ngày 08/07/2010. Tổng số vốn dự kiến góp là 220.000.000.000 đồng. Cho đến thời điểm hiện nay, Dự án vẫn chưa được triển khai.

(c) Là khoản tiền Công ty góp vào Quỹ đầu tư xuất bản của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Hợp đồng nguyên tắc hợp tác đầu tư số 04-MB/2013/ĐTXB ngày 25/11/2013. Mục đích : đầu tư cho hoạt động xuất bản Sách giáo khoa và Sách bổ trợ, thời gian hợp tác đầu tư là 5 năm kể từ ngày 25/11/2013 và thời hạn trên có thể được kéo dài theo thỏa thuận của 2 bên.

Ngoài ra, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội và Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học Sơn La chưa niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán. Công ty không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này. Theo Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội kết quả kinh doanh có lãi, vốn chủ sở hữu bảo toàn. Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Sơn La. Do đó, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.701.119	-
Thuế thu nhập cá nhân	63.988.274	-
Cộng	98.689.393	-

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Kinh phí công đoàn	77.336.867	68.175.852
Cổ tức phải trả	-	6.000.000.000
Phải trả khác	314.778.801	315.056.003
Cộng	392.115.668	6.383.231.855

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2013	50.000.000.000	534.170.971	534.170.971	-	51.068.341.942
Tăng trong năm	-	-	-	7.835.365.477	7.835.365.477
Giảm trong năm	-	-	-	7.175.304.822	7.175.304.822
Số dư tại 31/12/2013	50.000.000.000	534.170.971	534.170.971	660.060.655	51.728.402.597
Số dư tại 01/01/2014	50.000.000.000	534.170.971	534.170.971	660.060.655	51.728.402.597
Tăng trong năm	-	-	-	7.038.917.533	7.038.917.533
Giảm trong năm	-	-	-	1.112.178.025	1.112.178.025
Số dư tại 31/12/2014	50.000.000.000	534.170.971	534.170.971	6.586.800.163	57.655.142.105

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	23.000.000.000	23.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục	2.500.000.000	2.500.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	24.500.000.000	24.500.000.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	31/12/2014 Cổ phiếu	31/12/2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu thường	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu thường	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	660.060.655	-
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	7.038.917.533	7.835.365.477
Chia lợi nhuận cho Cty TNHH Văn hóa phẩm Quảng Lợi	56.340.394	-
Phân phối lợi nhuận	1.055.837.631	7.175.304.822
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay (*)	1.055.837.631	7.175.304.822
- Trích quỹ khen thưởng CBCNV	351.945.877	391.768.274
- Trích quỹ phúc lợi	351.945.877	391.768.274
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	351.945.877	391.768.274
- Tạm chia cổ tức cho các cổ đông	-	6.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.586.800.163	660.060.655

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2013 và tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 theo kế hoạch tại Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 ngày 29/03/2014. Cụ thể như sau:

- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 10% của Lợi nhuận sau thuế năm 2014
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành: 5% của Lợi nhuận sau thuế năm 2014

16. Doanh thu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng doanh thu	300.031.899.739	298.430.486.267
+ Doanh thu bán sách giáo khoa	243.116.818.023	251.723.242.546
+ Doanh thu bán sách tham khảo	53.661.461.942	41.232.100.018
+ Doanh thu bán thiết bị giáo dục	2.463.063.640	1.949.515.274
+ Doanh thu khác	790.556.134	3.525.628.429
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	300.031.899.739	298.430.486.267

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

17. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn bán sách giáo khoa	229.056.106.716	235.891.752.360
Giá vốn bán sách tham khảo	35.207.690.050	28.817.753.617
Giá vốn bán thiết bị giáo dục	1.829.893.661	1.506.247.112
Giá vốn khác	699.896.603	3.395.718.547
Cộng	266.793.587.030	269.611.471.636

18. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	35.274.215	124.662.444
Lãi từ đầu tư chứng khoán	227.180.000	3.860.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	207.540.000	213.620.000
Chiết khấu thanh toán nhanh	523.624.439	1.887.653.892
Doanh thu hoạt động tài chính khác	8.578.792	19.788.192
Cộng	1.002.197.446	2.249.584.528

19. Chi phí tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi phạt chậm thanh toán	357.098.433	94.141.510
Hoàn nhập dự phòng đầu tư ngắn hạn	-	(756.380.000)
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	-	595.500.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	18.270.000	-
Chiết khấu thanh toán	68.043.414	65.292.426
Cộng	443.411.847	(1.446.064)

20. Thu nhập khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập bán thanh lý phế liệu	10.636.364	-
Thu nhập khác	-	736.031
Cộng	10.636.364	736.031

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.141.032.485	8.039.109.087
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	412.164.230	328.852.668
Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	676.044.624	542.472.668
Điều chỉnh giảm	263.880.394	213.620.000
- <i>Cổ tức nhận được</i>	207.540.000	213.620.000
- <i>Chia LNTT cho Cty TNHH Văn hóa phẩm Quảng Lợi</i>	56.340.394	-
Tổng thu nhập chịu thuế	9.553.196.715	8.367.961.755
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.102.114.952	203.743.610
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay</i>	<i>2.101.703.277</i>	<i>836.796.176</i>
<i>Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay</i>	<i>411.675</i>	<i>(633.052.566)</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.038.917.533	7.835.365.477

22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.038.917.533	7.835.365.477
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	(56.340.394)	-
- <i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
- <i>Các khoản đ.chỉnh giảm (Chia LNTT cho Cty TNHH Văn hóa phẩm Quảng Lợi)</i>	<i>56.340.394</i>	-
LN phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	6.982.577.139	7.835.365.477
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.397	1.567

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

23. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.779.978.284	7.115.712.188
Chi phí nhân công	8.986.656.717	9.103.673.130
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.979.441	393.983.505
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.312.277.130	21.312.134.387
Chi phí khác bằng tiền	6.456.887.083	6.627.251.200
Cộng	57.570.778.655	44.552.754.410

24. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không phát sinh giao dịch và số dư ngoại tệ và phát sinh các khoản vay, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá hàng hóa, nguyên liệu.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên liệu

Chi phí in ấn và chi phí nguyên liệu chiếm phần lớn trong giá thành thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn và giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về chi phí in ấn thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in và ký hợp đồng nguyên tắc từ đầu năm để giảm chi phí. Đối với nguyên vật liệu, Công ty lựa chọn những đối tác tin cậy lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Ngoài ra, Công ty còn so sánh mức giá giữa các nhà cung cấp để đảm bảo mua nguyên vật liệu chất lượng nhưng với mức giá hợp lý nhất.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các công ty sách, các trường học, các Sở, phòng giáo dục đào tạo, các đơn vị thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, thanh toán công nợ kịp thời nên Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với những khách hàng trên.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	10.346.718.580	-	10.346.718.580
Phải trả khác	314.778.801	-	314.778.801
Cộng	10.661.497.381	-	10.661.497.381
31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	8.526.998.519	-	8.526.998.519
Phải trả khác	6.315.056.003	-	6.315.056.003
Cộng	14.842.054.522	-	14.842.054.522

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.241.378.096	-	10.241.378.096
Phải thu khách hàng	24.419.271.279	-	24.419.271.279
Đầu tư tài chính	446.890.000	7.010.762.381	7.457.652.381
Phải thu khác	154.496.100	-	154.496.100
Cộng	35.262.035.475	7.010.762.381	42.272.797.856
31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.600.857.390	-	18.600.857.390
Phải thu khách hàng	16.015.337.115	-	16.015.337.115
Đầu tư tài chính	575.420.000	3.816.260.563	4.391.680.563
Phải thu khác	527.548.685	-	527.548.685
Cộng	35.719.163.190	3.816.260.563	39.535.423.753

25. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

26. Các bên liên quan

a. Thông tin các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Tuyên Quang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP PHS - TBTH Hưng Yên	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - TBTH Lào Cai	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - TBTH Hà Tây	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - TBTH TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Hà Tĩnh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Cao Bằng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Nghệ An	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TB TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách ĐH - dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP sách Dịch vụ và Từ điển Giáo dục	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan gồm:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Mua sách giáo khoa	218.953.616.529	239.035.432.041
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Mua sách giáo khoa	3.682.866.651	1.654.431.952
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chi phí tổ chức bàn thảo	1.462.357.205	3.616.894.169
Bán hàng			
Công ty CP Sách và TBTH Hà Tĩnh	Bán sách giáo khoa	3.859.219.174	2.866.496.310
Công ty CP Sách và TBTH Tuyên Quang	Bán sách giáo khoa	6.215.806.960	4.568.547.153
Công ty CP Sách và TBTH Sơn La	Bán sách giáo khoa	5.385.593.255	5.868.479.892
Công ty CP Sách-TB giáo dục Nam Định	Bán sách giáo khoa	10.811.969.008	8.392.574.236
Công ty CP PHS - TBTH Hưng Yên	Bán sách giáo khoa	11.713.213.550	10.935.734.500
Công ty CP Sách - TBTH Lào Cai	Bán sách giáo khoa	3.502.500.574	3.573.564.448
Công ty CP Sách - TBTH Hoà Bình	Bán sách giáo khoa	9.247.989.981	7.359.450.382
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Bán sách giáo khoa	718.298.970	1.352.802.663
Công ty CP Sách - TBTH Hà Tây	Bán sách giáo khoa	25.487.566.925	23.555.447.332
Công ty CP sách - TBTH Thanh Hóa	Bán sách giáo khoa	22.760.897.272	23.393.361.050
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Bán sách giáo khoa	684.482.982	851.338.791
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Bán sách giáo khoa	1.010.617.422	2.489.609.018
Công ty CP Sách và TBTH Cao Bằng	Bán sách giáo khoa	2.347.485.716	2.866.496.310
Công ty CP Sách và TBTH Nghệ An	Bán sách giáo khoa	13.193.744.960	12.362.294.911
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Bán sách giáo khoa	8.477.031.380	2.341.506.416

c. Số dư với các bên có liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán

Công ty liên quan	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải trả		
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	9.716.828.987	8.066.786.009
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	870.360.658	1.054.724.029
Công ty CP Sách ĐH - dạy nghề	201.093.023	391.277.422
Công ty CP Sách và TBGD miền Nam	209.657.901	-
Công ty CP Sách và TBGD Cửu long	483.147.324	-
Phải thu		
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	325.607.552	271.962.932
Công ty CP Sách và TBGD miền Nam		120.306.754
Công ty CP Sách và TBTH Hà Tĩnh	242.077.334	-
Công ty CP Sách và TBTH Tuyên Quang	2.740.682.611	1.437.525.193
Công ty CP Sách và TBTH Sơn La	1.403.243.100	13.654.468
Công ty CP Sách và TBTH Thanh Hóa	4.496.949.460	1.644.189.100
Công ty CP đầu tư và xuất bản Giáo dục	1.961.441.081	1.730.818.466
Công ty CP Sách và TBTH Nghệ An	26.973.340	801.945.789
Công ty CP Sách và TBGD Cửu long		254.712.120

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

d. Lương, thưởng, thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc

Bên liên quan	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lương Ban giám đốc	806.800.824	838.398.740
Thưởng Ban Giám đốc	90.000.000	63.500.000
Thù lao, thưởng Hội đồng Quản trị	720.666.678	616.222.232

27. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

28. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi AAC.



Đinh Khắc Cao
Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2016

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thanh Tâm

Người lập biểu

Lê Mai Anh

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 30 -06- 2016
SỐ CHỨNG THỰC 3.9.7.4 QUYỀN SỐ 1 SCT/BS.



CHỦ TỊCH
Lê Thị Minh Hoa

